

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**VĂN BẢN HỢP NHẤT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ**Quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung**

Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 76/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung như sau¹:

¹ Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 76/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;

Căn cứ Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định như sau:”

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Thủ tục:

a) Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài;

b) Đăng ký Điều lệ vận chuyển của các hãng hàng không Việt Nam;

c) Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam;

d) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

đ) Cấp quyền vận chuyển hàng không; phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.

2. Yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay; nghĩa vụ của hãng hàng không trong trường hợp chậm chuyến, hủy chuyến, gián đoạn vận chuyển, không chấp nhận vận chuyển; hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, kinh doanh hàng không chung.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động thuê, cho thuê tàu bay, hoạt động vận chuyển hàng không, hoạt động hàng không chung tại Việt Nam.

Chương II **THỦ TỤC CHẤP THUẬN** **VÀ CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC THUÊ, CHO THUÊ TÀU BAY**

Điều 3. Thủ tục chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay²

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

² Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo, giải trình các nội dung quy định tại Điều 39 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam;

c) Bản sao hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay;

d) Bản sao tài liệu khẳng định tư cách pháp nhân và hoạt động kinh doanh của bên thuê (trong trường hợp cho thuê), bên cho thuê tàu bay (trong trường hợp thuê), người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay;

đ) Bản sao tài liệu về các thông số kỹ thuật của tàu bay;

e) Bản sao tài liệu thể hiện quyền (chiếm hữu, sở hữu, sử dụng) của bên cho thuê đối với tàu bay; đối với trường hợp thuê tàu bay có tổ bay, cho thuê tàu bay không có tổ bay cần bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, người bảo dưỡng tàu bay, chứng chỉ bảo hiểm.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét nội dung hồ sơ và quyết định chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 4. Yêu cầu đối với việc thuê, cho thuê tàu bay

1. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay phải thực sự khai thác, kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với các quyền vận chuyển hàng không được cấp.

2. Tổ chức, cá nhân thuê tàu bay không cho bất kỳ người nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ việc sử dụng quyền vận chuyển hàng không ngoài giá thuê thỏa thuận theo thời gian khai thác hoặc thuê bao cùng với các chi phí liên quan trực tiếp khác.

3. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ tham gia và giải trình việc thuê, cho thuê tàu bay tại cuộc họp thẩm định và chịu các chi phí liên quan đến việc thẩm định.

4. Trước khi đưa tàu bay vào khai thác bay, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo và cung cấp cho Cục Hàng không Việt Nam giấy tờ liên quan đến việc tạm nhập tái xuất tàu bay (đối với việc thuê tàu bay) và tạm xuất tái nhập tàu bay (đối với việc cho thuê tàu bay) của cơ quan Hải quan.

5. Trường hợp thuê tàu bay có thời hạn không quá 07 (bảy) ngày liên tục quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật hàng không dân dụng Việt Nam 2006, tổ chức, cá nhân phải thông báo bằng văn bản cho Cục Hàng không Việt Nam về việc bên cho thuê có Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phù hợp.

6. Tổ chức, cá nhân thuê, cho thuê tàu bay có nghĩa vụ thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam các trường hợp vi phạm của các bên trong việc thực hiện hợp đồng thuê, cho thuê tàu bay; việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn hiệu lực của việc thuê, cho thuê tàu bay, thời gian thực tế đưa tàu bay ra khỏi Việt Nam (đối với việc thuê tàu bay), đưa tàu bay về Việt Nam (đối với việc cho thuê tàu bay).

Chương III **ĐIỀU LỆ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG**

Điều 5. Ban hành Điều lệ vận chuyển

1. Hãng hàng không có trách nhiệm xây dựng, ban hành Điều lệ vận chuyển của hãng phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Điều lệ vận chuyển phải có các nội dung quy định về các vấn đề sau: quyền và nghĩa vụ của người vận chuyển; quyền và nghĩa vụ của khách hàng; vé; giá cước vận chuyển và điều kiện áp dụng; đặt giữ chỗ; lịch bay; chậm chuyến, hủy chuyến bay, từ chối và hạn chế chuyên chở; hoàn trả tiền; trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại gây ra đối với khách hàng; vận chuyển hành khách đặc biệt.

Điều 6. Đăng ký Điều lệ vận chuyển³

1. Hãng hàng không đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Điều lệ vận chuyển.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định đăng ký Điều lệ vận chuyển. Quyết định đăng ký Điều lệ vận chuyển có hiệu lực kể từ ngày Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ký Quyết định.

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Trường hợp hồ sơ đề nghị đăng ký Điều lệ vận chuyển chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 7. Nghĩa vụ của hãng hàng không trong trường hợp chậm chuyến, hủy chuyến, gián đoạn vận chuyển, không chấp nhận vận chuyển

1. Trường hợp chậm chuyến, gián đoạn vận chuyển theo kế hoạch 15 phút trở lên, hãng hàng không có nghĩa vụ thông báo cho hành khách với tần suất 15 phút/lần bằng hệ thống phát thanh tới hành khách các thông tin liên quan đến chuyến bay, cụ thể như sau:

- a) Số hiệu chuyến bay và chặng bay;
- b) Lý do của việc chậm chuyến, gián đoạn vận chuyển;
- c) Thời gian cất cánh dự kiến hoặc kế hoạch bay thay thế;
- d) Kế hoạch phục vụ hành khách;
- đ) Bộ phận trợ giúp hành khách (vị trí, dấu hiệu nhận biết);
- e) Xin lỗi hành khách.

2. Trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không có nghĩa vụ phục vụ hành khách theo quy định như sau:

- a) Thời gian chậm từ 02 (hai) giờ trở lên phục vụ uống nước;
- b) Thời gian chậm từ 03 (ba) giờ trở lên phục vụ ăn, uống với loại bữa ăn theo thời điểm phục vụ: từ 06 giờ 00 đến 08 giờ 00 phục vụ bữa sáng; từ 12 giờ 00 đến 14 giờ 00 phục vụ bữa trưa; từ 19 giờ 00 đến 21 giờ 00 phục vụ bữa tối;
- c) Đối với các chuyến bay trong ngày có thời gian chậm từ 06 (sáu) giờ trở lên: bố trí nơi nghỉ phù hợp với điều kiện thực tế của sân bay;
- d) Đối với các chuyến bay bị chậm mà thời gian hành khách phải chờ đợi dự kiến từ 06 (sáu) giờ trở lên trong khoảng thời gian từ 22 giờ hôm trước đến 07 giờ sáng ngày hôm sau, hãng hàng không phải bố trí phương tiện đưa đón khách về khách sạn, ưu tiên đối với hành khách đặc biệt;

đ) Chuyển đổi hành trình của hành khách để hành khách tới được điểm cuối của hành trình một cách nhanh chóng và thuận tiện nhất;

3. Trường hợp hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng không được vận chuyển do lỗi của hãng hàng không, hoặc chuyến bay bị hủy do lỗi của hãng hàng không, hãng hàng không có nghĩa vụ:

- a) Thông báo cho hành khách biết lý do;
- b) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 của Điều này;
- c) Trả một khoản tiền bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách theo quy định pháp luật về bồi thường ứng trước không hoàn lại;
- d) Thực hiện nghĩa vụ thay thế các nghĩa vụ quy định tại các điểm b và c của khoản này theo thỏa thuận với hành khách.

4. Trường hợp hành khách đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay nhưng việc vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, không được chấp nhận vận chuyển không phải do lỗi của hành khách hoặc chuyến bay bị hủy, hãng hàng không có nghĩa vụ giải quyết việc chi hoàn trả toàn bộ tiền vé hoặc hoàn trả tiền phần vé chưa sử dụng cho hành khách ngay tại sân bay nếu khách có yêu cầu hoặc tại các Văn phòng chi nhánh và đại lý bán vé do hãng hàng không chỉ định, trên cơ sở tờ hành trình hoặc phiếu thu do hãng hàng không xuất hoặc xuất dưới danh nghĩa của hãng hàng không chuyên chở. Việc hoàn vé cho khách được quy định như sau:

- a) Miễn trừ điều kiện hạn chế về hoàn vé và phí hoàn vé theo thỏa thuận (nếu có);
- b) Vé hoàn toàn chưa được sử dụng, khoản chi hoàn sẽ bằng số tiền vé mà khách đã trả; tiền vé bao gồm các khoản: giá cước (Air Fare); các khoản thuế, phí do Chính phủ, nhà chức trách sân bay quy định, giá phục vụ hành khách tại cảng hàng không, sân bay mà hãng hàng không thu hộ; và các khoản phí khác có liên quan;
- c) Vé đã được sử dụng một phần, khoản chi hoàn sẽ không thấp hơn chênh lệch giữa tiền vé đã trả và tiền vé áp dụng cho hành trình hành khách và các dịch vụ khác đã sử dụng.

Điều 8. Vận chuyển hành khách đặc biệt

1. Hãng hàng không thực hiện các nghĩa vụ như đối với hành khách thông thường, bố trí nhân viên chăm sóc, hỗ trợ; đồng thời có trách nhiệm tổ chức và triển khai các loại hình dịch vụ hỗ trợ trong quá trình vận chuyển hành khách đặc biệt, cụ thể:

- a) Hành khách là người khuyết tật;
- b) Hành khách là phụ nữ có thai;
- c) Hành khách là người cao tuổi;
- d) Hành khách là trẻ em.

2. Miễn phí, cước vận chuyển công cụ hỗ trợ là tài sản của hành khách;

3. Loại dịch vụ hỗ trợ bắt buộc cho từng đối tượng hành khách đặc biệt, thời gian hành khách phải báo trước để được cung cấp dịch vụ hỗ trợ phải được quy định cụ thể trong Điều lệ vận chuyển và niêm yết tại các đại lý bán vé của hãng hàng không, sân bay.

Chương IV
HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN, BÁN VÉ
CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Cấp, gia hạn Giấy phép, Giấy chứng nhận liên quan đến hoạt động đại diện, bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam⁴

1. Hãng hàng không nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các Giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

c) Bản sao Điều lệ hoạt động của hãng hàng không bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh;

d) Bản sao các tài liệu xác nhận quyền sử dụng trụ sở nơi đặt Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé tại Việt Nam;

đ) Bản gốc thư bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh).

Hãng hàng không đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

2. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện;

c) Bản sao thỏa thuận về việc ủy quyền đại diện tại Việt Nam giữa hãng hàng không nước ngoài và tổ chức, cá nhân Việt Nam.

⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

3. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân đề nghị;

c) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các Giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không (bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng Anh);

d) Bản sao hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé.

Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy phép, Giấy chứng nhận:

a) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé do Cục Hàng không Việt Nam cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và hết lực trong trường hợp vi phạm các quy định nêu tại khoản 5 Điều 123 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam hoặc theo đề nghị của hãng hàng không;

b) Bất kỳ thay đổi trong nội dung của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé đã được cấp, hãng hàng không nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét quyết định điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập Văn phòng bán vé;

Trường hợp hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định;

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có thời hạn không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp;

d) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài do Cục Hàng không Việt Nam cấp có hiệu lực kể từ ngày ký và hết lực trong các trường hợp sau: theo đề nghị của doanh nghiệp và được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận; hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé cho hãng hàng không nước ngoài hết hiệu lực; doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định tổng đại lý, đại lý bán vé không chính thức đi vào hoạt động trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận; doanh nghiệp ngừng hoạt động 06 tháng liên tục mà không thông báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

5. Khi hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn hoạt động đại diện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo hoạt động của doanh nghiệp trong thời hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đã được cấp;

6. Doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét, quyết định việc cấp, gia hạn, điều chỉnh Giáp phép, Giấy chứng nhận nêu tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều này.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh Giáp phép, Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 10. Thông báo, báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

1. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của các hãng hàng không nước ngoài, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ thông báo hoạt động, báo cáo hoạt động của mình theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký và đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp, với những nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Văn phòng giao dịch của pháp nhân Việt Nam;

b) Tên, địa chỉ trụ sở của hãng hàng không nước ngoài;

c) Người đứng đầu Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân Việt Nam;

d) Danh sách người nước ngoài làm việc (tên, quốc tịch, số hộ chiếu và giấy phép lao động còn hiệu lực (nếu có);

đ) Số, ngày cấp, thời hạn của giấy phép, giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký;

e) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé; nội dung hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài.

3. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm về hoạt động theo giấy phép, giấy chứng nhận liên quan được cấp. Báo cáo gửi về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 31 tháng 01 năm kế tiếp theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi nhân sự là người nước ngoài: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi;

b) Thay đổi nội dung ủy quyền hoạt động đại diện: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 11. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam làm đại diện cho hãng hàng không nước ngoài

1. Hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài, hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài của pháp nhân Việt Nam sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của hãng hàng không nước ngoài;

b) Hãng hàng không nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi hãng hàng không đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh;

c) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện hết hạn hiệu lực, bị thu hồi theo quy định của pháp luật;

d) Hợp đồng ủy quyền đại diện hết giá trị hiệu lực.

2. Trong thời hạn 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam, các chủ nợ, người lao động, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích

liên quan khác. Thông báo phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, được niêm yết công khai tại trụ sở Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé và pháp nhân Việt Nam, đăng tin trên một tờ báo được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp.

3. Hãng hàng không nước ngoài, Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ nợ và các nghĩa vụ khác với tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương V

XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỨ CẤP

Điều 12. Đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp⁵

1. Doanh nghiệp Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận.

2. Trong trường hợp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài tại Việt Nam, hồ sơ đăng ký bao gồm các tài liệu sau:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Bản sao hợp đồng chi định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp;

c) Bản sao mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài;

d) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.

3. Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp có thời hạn hiệu lực không quá 05 (năm) năm kể từ ngày cấp và có thể được gia hạn. Người đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

⁵ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp đã được cấp;

c) Báo cáo về hoạt động trong thời hạn Giấy chứng nhận đã được cấp;

d) Bản sao gia hạn Hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp (trường hợp hợp đồng có quy định thời hạn hiệu lực) hoặc bản sao Hợp đồng chỉ định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp (trường hợp hợp đồng không quy định thời hạn hiệu lực).

Doanh nghiệp đề nghị cấp, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp nộp lệ phí theo quy định pháp luật.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, xem xét quyết định việc cấp, gia hạn Giấy chứng nhận.

Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn Giấy chứng nhận chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 13. Yêu cầu đối với hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không

1. Hoạt động cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không không phải là hoạt động vận chuyển hàng không của một hãng hàng không theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006.

2. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không chỉ được làm thủ tục giao nhận hàng hóa tại cảng hàng không, sân bay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

Chương VI **CẤP QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG**

Điều 14. Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không

1⁶. Hãng hàng không đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;

c) Báo cáo về đường bay và kế hoạch khai thác dự kiến;

d) Bản sao tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân và Điều lệ hoạt động của hãng.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, xem xét quyết định việc cấp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Điều 15⁷. Căn cứ cấp quyền vận chuyển hàng không

1. Nhu cầu thị trường:

a) Đối với những đường bay mới chưa có hãng hàng không nào khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp trên cơ sở đề nghị của hãng hàng không dự định khai thác đường bay đó;

b) Đối với các đường bay đang khai thác, quyền vận chuyển hàng không được cấp căn cứ kết quả khai thác trên các đường bay này tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền.

2. Khả năng của hãng hàng không:

a) Khả năng về tài chính, đội tàu bay, nhân lực;

b) Tính khả thi của kế hoạch khai thác tại thời điểm hãng hàng không đề nghị cấp quyền.

3. Cân đối mạng đường bay và mục tiêu phát triển kinh tế:

a) Điều kiện đáp ứng của cơ sở hạ tầng của cảng hàng không, sân bay;

b) Sự phát triển ổn định và hợp lý của các đường bay;

c) Cân đối vận tải hàng không giữa các vùng, miền, có tính đến yếu tố kích cầu và khuyến khích khai thác đến các cảng hàng không tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa có nhu cầu thiết yếu về vận chuyển hàng không (đường bay thiết yếu), các cảng hàng không có lượng khai thác thấp, thực tế khai thác các đường bay thiết yếu của các hãng hàng không;

d) Phân bổ tài cung ứng hợp lý cho các hãng hàng không Việt Nam trên đường bay trục Bắc - Nam, bao gồm các đường bay Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội - Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh - Đà Nẵng.

⁷ Tên điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Điều 16. Các loại hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không

1. Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm các loại hợp đồng sau:

- a) Hợp đồng liên danh;
- b) Hợp đồng nhượng quyền khai thác;
- c) Hợp đồng khác mà đối tượng trực tiếp là việc khai thác, sử dụng quyền vận chuyển hàng không.

2. Hợp đồng liên danh là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng số hiệu chuyến bay của mình trên chuyến bay do hãng hàng không khác khai thác tại Việt Nam.

3. Hợp đồng nhượng quyền khai thác là hợp đồng trong đó có nội dung hãng hàng không sử dụng một trong các yếu tố sau đây của hãng hàng không khác trong việc tiếp thị, bán và khai thác các chuyến bay của mình tại Việt Nam, bao gồm tên, mã hiệu (ba ký tự của ICAO hoặc hai ký tự của IATA), biểu tượng hoặc các hình ảnh thương hiệu khác.

4. Yêu cầu đối với việc ký kết và thực hiện hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không bao gồm:

a) Hợp đồng phải có điều khoản quy định chi có hiệu lực sau khi được Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;

b) Các hãng hàng không tham gia hợp đồng có các quyền vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng; việc phê duyệt hợp đồng phải đảm bảo quyền lợi chung của Việt Nam, của hãng hàng không Việt Nam;

c) Đối với hoạt động liên danh giữa các hãng hàng không nước ngoài trên các đường bay đến và đi từ Việt Nam, các hãng hàng không nước ngoài phải đệ trình lịch bay liên danh đến Cục Hàng không Việt Nam để xem xét phê duyệt theo quy định của Điều ước quốc tế liên quan;

d) Khoản thu của hãng hàng không nhượng quyền khai thác không phụ thuộc vào kết quả khai thác các đường bay của hãng hàng không được nhượng quyền.

Điều 17. Thủ tục phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không⁸

1. Hãng hàng không đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không;

c) Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với mã hiệu, biểu tượng hoặc các hình ảnh thương hiệu khác của hãng hàng không chuyển nhượng quyền khai thác.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, đánh giá nội dung hồ sơ và quyết định phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.

Trường hợp hồ sơ đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định

Điều 18. Yêu cầu đối với việc khai thác quyền vận chuyển hàng không

1. Hãng hàng không chỉ được phép kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp.

2. Các hãng hàng không không được mua bán quyền vận chuyển hàng không, thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh.

3. Trừ trường hợp thực hiện hợp đồng liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không trên đường bay liên quan đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật, hãng hàng không không được thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng cáo, tiếp thị bằng hình ảnh, thương hiệu, biểu tượng, nhãn hiệu của hãng hàng không khác cho chuyến bay do mình khai thác.

Điều 18b. Phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đi, đến Việt Nam⁹

1. Hãng hàng không nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax đến Cục Hàng không Việt Nam. Trường hợp Hiệp định giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ về vận chuyển hàng không có

⁹ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

quy định khác với quy định của Điều này thì áp dụng theo quy định của Hiệp định đó. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Bảng giá cước và điều kiện áp dụng.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định, quyết định phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ đề nghị phê duyệt giá cước vận chuyển hàng không trên đường bay quốc tế đến và đi từ Việt Nam chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Chương VII¹⁰

THỦ TỤC CẤP PHÉP BAY CHO CÁC CHUYẾN BAY THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG BAY DÂN DỤNG TẠI VIỆT NAM

Điều 19. Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam¹¹

1. Người khai thác tàu bay, người vận chuyển hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi chung là người đề nghị cấp phép bay) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam hoặc thư điện tử; fax; AFTN

¹⁰ Tên Chương này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 (khoản 9 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT đã bị bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 12 Thông tư số 62/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012).

¹¹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 (khoản 10 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT đã bị bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 12 Thông tư số 62/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012).

hoặc SITA đến địa chỉ thư điện tử của Phòng Vận tải hàng không, Cục Hàng không Việt Nam: atd@caa.gov.vn. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sơ đồ bay (chỉ dùng đối với chuyên bay hoạt động hàng không chung quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay).

2. Cục Hàng không Việt Nam cấp phép bay cho các chuyên bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam quy định tại điểm c khoản 2 Điều 81 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. Thời hạn đề nghị cấp, sửa đổi phép bay quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 17 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay.

Cục Hàng không Việt Nam xem xét, thông báo phép bay hoặc từ chối cấp phép bay cho người đề nghị bằng văn bản hoặc thư điện tử; fax; AFTN hoặc SITA trong thời hạn:

a) Mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay quốc tế thường lệ đến và đi từ lãnh thổ Việt Nam; chuyến bay nội địa thường lệ;

b) Năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay thử nghiệm, biểu diễn, thao diễn; chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

c) Ba (03) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay quốc tế thuê chuyên, tăng chuyến đến và đi từ Việt Nam; chuyến bay của tàu bay công vụ nước ngoài không phải là: chuyến bay thử nghiệm, biểu diễn, thao diễn; chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

d) Hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay hạ cánh kỹ thuật tại Việt Nam; chuyến bay được thực hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam; chuyến bay được thực hiện theo hợp đồng thuê, mua, bán tàu bay; chuyến bay chuyên sân bay quốc tế; chuyến bay phục vụ nhu cầu riêng của cơ quan, tổ chức, cá nhân; chuyến bay vì mục đích nhân đạo; chuyến bay hoạt động hàng không chung khác;

đ) Mười hai (12) giờ, kể từ thời điểm nhận đơn đề nghị đối với trường hợp chuyến bay nội địa chuyên sân; chuyến bay kiểm tra kỹ thuật;

e) Cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm trả lời ngay cho người nộp đơn đề nghị đối với trường hợp chuyến bay trong tình thế cấp thiết liên quan đến an ninh quốc gia; chuyến bay chuyên chở thợ máy, động cơ, trang bị, thiết bị phục vụ, sửa chữa tàu bay hỏng hóc hoặc vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện của tàu bay bị hỏng hóc; chuyến bay tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu, y tế, cứu hộ; chuyến bay của tàu bay công vụ Việt Nam.

Điều 20. Cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng¹²

1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam gửi văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam hoặc thông qua hệ thống bưu điện; thư điện tử; fax; điện văn AFTN (mạng thông tin liên lạc chuyên ngành) đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong văn bản đề nghị. Thời hạn đề nghị cấp, sửa đổi phép bay quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 17 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam xem xét, cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam trong thời hạn được quy định khoản 8 Điều 17 Nghị định số 94/2007/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay:

a) Mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyến bay quốc tế thường lệ qua vùng trời Việt Nam;

b) Bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay thử nghiệm; chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

c) Năm (05) ngày, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyến bay của tàu bay công vụ nước ngoài không phải là: chuyến bay thử nghiệm, biểu diễn, thao diễn; chuyến bay phục vụ nghiên cứu khoa học, kinh tế quốc dân, hoạt động văn hóa, thể thao;

d) Hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đối với các trường hợp chuyến bay không thường lệ qua vùng trời Việt Nam; chuyến bay chuyên sân bay quốc tế; chuyến bay phục vụ nhu cầu riêng của cơ quan, tổ chức, cá nhân; chuyến bay vì mục đích nhân đạo;

đ) Mười hai (12) giờ, kể từ thời điểm nhận văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyến bay kiểm tra kỹ thuật;

¹² Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 (khoản 11 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT đã bị bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 12 Thông tư số 62/2011/TT-BGTVT Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp phép bay cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 02 năm 2012).

e) Cơ quan cấp phép bay có trách nhiệm trả lời ngay cho người nộp văn bản đề nghị đối với trường hợp chuyển bay trong tình thế cấp thiết liên quan đến an ninh quốc gia; chuyển bay chuyên chở thợ máy, động cơ, trang bị, thiết bị phục vụ sửa chữa tàu bay hỏng hóc hoặc vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu phẩm, bưu kiện của tàu bay bị hỏng hóc; chuyển bay tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu, y tế, cứu hộ; chuyển bay sửa đổi các nội dung sau đây của phép bay: đường hàng không, điểm bay ra, bay vào vùng trời Việt Nam; thay đổi tàu bay vì lý do phi thương mại; thay đổi sân bay cất cánh, hạ cánh ngoài lãnh thổ Việt Nam đối với các chuyển bay qua vùng trời Việt Nam.

3. Trường hợp Đơn đề nghị cấp phép bay qua vùng trời Việt Nam chưa đầy đủ theo quy định, căn cứ vào thời hạn như được nêu tại khoản 2 Điều này kể từ ngày nhận hồ sơ trực tiếp hoặc ngày đến ghi trên dấu bưu điện, ngày đến ghi trên bản FAX, điện văn AFTN, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hoặc điện văn AFTN đề nghị hãng hàng không hoàn chỉnh hồ sơ và thời hạn giải quyết tính từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Điều 21.¹³(được bãi bỏ)

Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam

1. Hủy, thu hồi, đình chỉ giấy phép, giấy chứng nhận, việc chấp thuận, việc cấp quyền trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận vi phạm các quy định của Thông tư này hoặc pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, quyền hoặc được chấp thuận không còn đủ điều kiện được cấp hoặc được chấp thuận theo quy định;

c) Các bên liên quan chấm dứt hợp đồng, thỏa thuận;

d) Cố ý lập hồ sơ, báo cáo trong quá trình thẩm định không trung thực;

đ) Các văn bản, giấy tờ tương ứng theo quy định tại Thông tư này hết thời hạn hiệu lực theo quy định.

2. Kiểm tra và tiến hành các thủ tục công nhận, thừa nhận hiệu lực của các tài liệu về khai thác, bảo dưỡng tàu bay theo quy định của pháp luật.

¹³ Điều này này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ giao Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

3. Thông báo về chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé, pháp nhân Việt Nam đặt văn phòng.

4. Gửi Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận đến các Sở Kế hoạch Đầu tư của các tỉnh, thành phố nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính, các Cảng vụ hàng không và các Tổng công ty Cảng hàng không tương ứng.

5. Định kỳ công bố các đường bay thiết yếu theo công bố của Chính phủ về vùng khó khăn với các tiêu chí về thu nhập đầu người, mức độ khó khăn đối với các phương tiện vận tải khác, tác động của đường bay đối với phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

6. Chỉ định hãng hàng không Việt Nam khai thác các đường bay thiết yếu với tần suất thích hợp theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài sau khi được cấp, gia hạn các văn bản, giấy tờ tương ứng theo quy định tại Thông tư này.

8. Tổng hợp và báo cáo Bộ Giao thông vận tải những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện đề nghiên cứu, giải quyết kịp thời.

Điều 23. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành¹⁴

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 08/VBHN-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2014
BỘ TRƯỞNG

Đinh La Thăng

¹⁴ Điều 2 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ giao Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyên hàng không và hoạt động hàng không chung có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011 quy định như sau:

“Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Mẫu số 01

TIÊU ĐỀ

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ/HOẶC VĂN PHÒNG BÁN VÉ**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không:.....

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và, hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:.....

Tên viết tắt nếu có:.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG

(Ghi rõ chức danh cụ thể)

Ký tên, đóng dấu

Giấy tờ kèm theo:

- Bản dịch công chứng tài liệu xác nhận tư cách pháp nhân của hãng hàng không, văn bản xác nhận quyền kiểm soát pháp lý thuộc về quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng (giấy phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương);

- Bản sao Điều lệ hoạt động của hãng bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh;

- Giấy tờ xác nhận quyền sử dụng nhà nơi đặt văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé;

- Mẫu vé dự định bán hoặc xuất tại Việt Nam (đối với hồ sơ xin thành lập Văn phòng bán vé);

- Biên lai nộp lệ phí.

Mẫu số 02

TIÊU ĐỀ

....., ngày.... tháng.... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CHO
HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

Giữa

Tên Công ty.....

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày..... tháng..... năm.....

do..... cấp với ngành nghề.....

Và

Tên hãng hàng không.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và phạm vi hoạt động đại diện được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ chức danh cụ thể)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân nhận đại diện.
- Bản sao hợp đồng chỉ định đại diện tại Việt Nam.
- Biên lai nộp lệ phí.

Mẫu số 03**TIÊU ĐỀ**

....., ngày.... tháng.... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHỈ ĐỊNH ĐẠI LÝ BÁN VÉ
CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé máy bay số..... ký ngày..... tháng..... năm.....

Giữa

Tên Công ty.....

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày..... tháng..... năm.....

do..... cấp với ngành nghề.....

Và

Tên hãng hàng không.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng không của thương nhân tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ chức danh cụ thể)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao có công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân đề nghị;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi hãng hàng không nước ngoài thành lập cấp hoặc Bản dịch công chứng Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của hãng hàng không nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi hãng hàng không nước ngoài thành lập cấp (trong trường hợp ngôn ngữ của tài liệu này không phải là tiếng Anh);

- Bản sao hợp đồng chi định đại lý bán vé;

- Biên lai nộp lệ phí.

Ghi chú: Hợp đồng chi định đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài (gồm: hợp đồng chi định đại lý bán vé hành khách; hoặc hợp đồng chi định đại lý bán vận đơn hàng không).

Mẫu số 04**THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/
VĂN PHÒNG BÁN VÉ**

.....(ghi tên theo Giấy phép)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân ghi trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Thông báo chính thức hoạt động kể từ ngày..... tháng..... năm..... với nội dung như sau:

I. Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

Tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé trong Giấy phép).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy phép).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do..... cấp ngày:..... tháng..... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng.... năm....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (ghi theo Giấy phép).....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... (nếu có)

Số tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam:..... tại Ngân hàng: (nếu có).....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

II. Nhân sự của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé**1. Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé**

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....

Do:..... cấp ngày:..... tháng..... năm..... tại.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam):.....

2. Lao động làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé

- Lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của từng người);

- Lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ họ và tên, giới tính, số chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của từng người)

III. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi cụ thể theo Giấy phép)

-
 -

Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (tên theo Giấy phép) đã làm thủ tục đăng tin thông báo hoạt động trên báo (nêu tên tờ báo viết hoặc báo điện tử) số ra ngày..... tháng..... năm.....

Các tài liệu kèm theo:

1. Giấy biên nhận của cơ quan báo viết hoặc báo điện tử về việc nhận đăng thông báo hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé hoặc các giấy tờ khác chứng minh việc đã đăng báo.

2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé do cơ quan công an cấp.

3. Bản sao giấy đăng ký mở tài khoản của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé tại Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.

4. Bản sao các tài liệu bao gồm: thị thực nhập cảnh, hợp đồng lao động của người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé; sơ yếu lý lịch (có xác nhận của địa phương), hợp đồng lao động của lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé; hộ chiếu, thị thực nhập cảnh, hợp đồng lao động của lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đã nhận được thông báo hoạt động hãng hàng không....

....., ngày..... tháng..... năm.....
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Người đứng đầu
 Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của Văn phòng đại diện
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

(Năm.....)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Văn phòng đại diện (ghi rõ tên theo Giấy phép) xin báo cáo hoạt động của chúng tôi trong thời gian từ ngày..... tháng..... năm đến ngày..... tháng..... năm..., với nội dung cụ thể như sau:

I. Văn phòng đại diện

Tên Văn phòng đại diện: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện trong Giấy phép).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong Giấy phép).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng.... năm.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi theo Giấy phép).....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... (nếu có)

Số tài khoản ngoại tệ tại Việt Nam:..... tại Ngân hàng: (nếu có).....

Số tài khoản tiền Việt Nam:..... tại Ngân hàng:.....

II. Nhân sự của Văn phòng đại diện**1. Người đứng đầu Văn phòng đại diện**

Họ và tên: (ghi bằng chữ in hoa)..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Hộ chiếu/chứng minh nhân dân số:.....

Do:..... cấp ngày:..... tháng..... năm..... tại.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam):.....

2. Lao động làm việc tại Văn phòng đại diện

- Lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện: (ghi rõ họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện của từng người);

- Lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện: (ghi rõ họ và tên, giới tính, số chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, chức danh tại Văn phòng đại diện của từng người).

3. Tình hình thay đổi nhân sự trong năm (báo cáo chi tiết về):

- Thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện (nếu có)

- Thay đổi số lao động nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện: (nếu có)

- Thay đổi số lao động Việt Nam làm việc tại Văn phòng đại diện: (nếu có)

4. Tình hình thực hiện chế độ đối với người lao động làm việc tại Văn phòng đại diện: lương, thưởng, bảo hiểm, các hoạt động khác...

III. Hoạt động của Văn phòng đại diện

1. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện (ghi cụ thể theo Giấy phép):

2. Tình hình hoạt động thực tế trong năm:

(Văn phòng đại diện chỉ báo cáo các nội dung hoạt động trong phạm vi Giấy phép nếu có)

3. Các hoạt động khác: quảng cáo, hội chợ, trưng bày, triển lãm... theo quy định của pháp luật, các hoạt động xã hội (nếu có).....

IV. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong năm của Văn phòng đại diện và kiến nghị, đề xuất

1. Đánh giá chung:.....

.....

2. Kiến nghị, đề xuất:.....

.....

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung báo cáo.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/VĂN PHÒNG BÁN VÉ.....**
(ghi tên theo Giấy phép)

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không: (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập (đăng ký kinh doanh) số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Xin thông báo đã thực hiện đầy đủ việc thanh toán các khoản nợ và hoàn thành các nghĩa vụ có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của:

Tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi bằng chữ in hoa, đậm theo tên Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé trong Giấy phép).....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa theo tên giao dịch bằng tiếng Anh trong đơn đề nghị).....

Tên viết tắt: (nếu có).....

Do..... cấp ngày:..... tháng..... năm.....

Thời hạn hoạt động: từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện (ghi địa điểm đặt Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé theo Giấy phép).....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... (nếu có)

Chúng tôi xin cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung thông báo này.

Các tài liệu kèm theo:

1. Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.
2. Giấy biên nhận của cơ quan báo viết hoặc báo điện tử về việc dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé hoặc các giấy tờ khác chứng minh việc đã đăng báo.

3. Bản sao giấy tờ chứng minh Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan của Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07**TIÊU ĐỀ**

....., ngày.... tháng.... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP***(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam
đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp của mình)*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký
kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....
.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp của tổ
chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam (nêu rõ tên tổ chức, cá nhân).

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề
nghị và hồ sơ kèm theo.Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến
hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao

nhận hàng hóa bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ chức danh cụ thể)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Biên lai nộp lệ phí.
- Bản sao hợp đồng chi định đại lý xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

Mẫu số 08

TIÊU ĐỀ

....., ngày.... tháng.... năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP**

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài)

Kính gửi: Cục hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị Giấy chứng nhận tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đã hoàn thành thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận ký ngày..... tháng..... năm.....

Giữa

Tên Công ty.....

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày...../...../.....

do..... cấp với ngành nghề.....

Và

Tên doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

.....
Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CÔNG TY

(Ghi rõ chức danh cụ thể)

Ký tên, đóng dấu

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

- Mẫu vận đơn hàng không thứ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận hàng hóa nước ngoài;

- Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận nước ngoài phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

PHỤ LỤC I¹⁵

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ/HOẶC VĂN PHÒNG BÁN VÉ**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Tóm tắt quá trình hoạt động của hãng hàng không:.....

.....

.....

¹⁵ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và/hoặc Văn phòng bán vé (vé hành khách và/hoặc vận đơn hàng không) tại Việt Nam với nội dung cụ thể như sau:

Tên của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:.....

Tên viết tắt (nếu có):.....

Tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có):.....

Địa điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé: (ghi rõ số nhà, đường, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé (nêu cụ thể lĩnh vực hoạt động).....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé:

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Quốc tịch:.....

Số hộ chiếu/Chứng minh nhân dân:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Văn phòng bán vé.

**Đại diện có thẩm quyền của
hãng hàng không**

*(Ghi rõ chức danh cụ thể
ký tên, đóng dấu)*

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-
-
-

PHỤ LỤC II¹⁶

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI DIỆN CHO
HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam

Giữa

Tên Công ty.....

¹⁶ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Trụ sở chính:.....
 Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày..... tháng..... năm.....
 do..... cấp với ngành nghề.....

Và

Tên hãng hàng không.....
 Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....
 Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh
 doanh).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản
 đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến
 hoạt động kinh doanh nói chung và phạm vi hoạt động đại diện được quy định trong
 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài tại
 Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(Ghi rõ chức danh cụ thể

ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-
-
-

PHỤ LỤC III¹⁷

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHỈ ĐỊNH ĐẠI LÝ BÁN VÉ
CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên công ty (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chỉ định đại lý bán vé máy bay số..... ký ngày..... tháng..... năm.....

Giữa

Tên Công ty.....

¹⁷ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Trụ sở chính:.....
 Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày..... tháng..... năm.....
 do..... cấp với ngành nghề.....

Và

Tên hãng hàng không.....
 Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....
 Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng không của thương nhân tại Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chi định đại lý bán vé của hãng hàng không nước ngoài.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(Ghi rõ chức danh cụ thể
 ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-
-
-

PHỤ LỤC IV¹⁸

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/03/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP**

*(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam
đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp của mình)*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam (nêu rõ tên tổ chức, cá nhân).

¹⁸ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(Ghi rõ chức danh cụ thể

Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-
-
-

PHỤ LỤC V¹⁹

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
XUẤT VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG THỦ CẤP**

*(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam
đăng ký xuất vận đơn hàng không thủ cấp cho tổ chức, cá nhân cung ứng
dịch vụ giao nhận nước ngoài)*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên tổ chức, cá nhân (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Lĩnh vực hoạt động chính:.....

Vốn điều lệ:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

¹⁹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam đã hoàn thành thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài trên cơ sở thỏa thuận ký ngày..... tháng..... năm.....

Giữa

Tên Công ty.....

Trụ sở chính:.....

Được thành lập theo giấy phép số:..... ngày...../...../.....

do..... cấp với ngành nghề.....

Và

Tên doanh nghiệp giao nhận nước ngoài.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh.....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh nói chung và những quy định liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa bằng đường hàng không của tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ giao nhận Việt Nam.

Đại diện có thẩm quyền của Công ty

(Ghi rõ chức danh cụ thể

ký tên, đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm bao gồm:

-

-

-

PHỤ LỤC VI²⁰

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay..... do..... cấp ngày.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp quyền khai thác thương mại vận chuyển hàng không với các điều kiện về:

Hãng hàng không;

Đường bay; tàu bay khai thác;

Chuyến bay và đối tượng vận chuyển;

Kế hoạch bay dự kiến.

²⁰ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh vận chuyển hàng không trong phạm vi quyền vận chuyển hàng không được cấp.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không

(Ghi rõ chức danh cụ thể

ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VII²¹

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỢP ĐỒNG HỢP TÁC LIÊN QUAN
TRỰC TIẾP ĐẾN QUYỀN VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Điện thoại:..... Fax:....., Email:..... Website (nếu có).....

Đại diện theo pháp luật: (đại diện có thẩm quyền)

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Quốc tịch:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không ký ngày... tháng... năm...

Giữa (nêu tên Hãng hàng không, trụ sở chính):.....

Và (nêu tên Hãng hàng không, trụ sở chính):.....

Chúng tôi cam kết:

Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và chính xác của nội dung văn bản đề nghị và hồ sơ kèm theo.

²¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định tại Điều 113 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Điều 16 Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28/10/2009 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung.

**Đại diện có thẩm quyền của hãng
hàng không**

*(Ghi rõ chức danh cụ thể
ký tên, đóng dấu)*

Các tài liệu kèm theo:

.....;
.....;
.....

PHỤ LỤC VIII²²

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT GIÁ CƯỚC VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG
TRÊN ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ ĐI, ĐẾN VIỆT NAM**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Tên hãng hàng không (ghi bằng chữ in hoa, tên trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Tên hãng hàng không viết tắt (nếu có):.....

Quốc tịch của hãng hàng không:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh).....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt giá cước vận chuyển hành không trên đường bay quốc tế đi, đến Việt Nam của hãng hàng không với Bảng giá cước và điều kiện áp dụng được gửi kèm theo văn bản này./.

Đại diện có thẩm quyền của hãng hàng không

(Ghi rõ chức danh cụ thể
ký tên, đóng dấu)

²² Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

PHỤ LỤC IX²³

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

APPLICATION FOR LANDING PERMIT
Non-Scheduled Flight(s)

Mẫu văn bản dùng cho các hãng hàng không nước ngoài

Date:.....
Reference No.:.....
1. Carrier/Operator:
- Name:.....
- Contact address (Postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email):.....
2. Aircraft:
- Type:.....
- Nationality and Registration mark:.....
- Maximum Take-Off Weight (MTOW):.....
3. Itinerary: Date(s) of flight(s) Flight(s) Number From/ETD¹ To/ETA¹
.....
4. Air traffic service routes including entry/exit points within Flight Information Regions of Viet Nam and estimated time over (ETO)² entry/exit points; flight level/altitude:.....
5. Communication, navigation equipments; frequencies of radio communication:
.....
6. Pilot in command:
- Name:.....
- Nationality:.....
7. Purpose of flight(s).....
8. Configuration/payload of aircraft:.....
9. Number of passengers or tonnages and nature of cargo transported:.....
10. Flight chart within Flight Information Regions of Viet Nam attached (for flights operated outside control area of civil aviation).
11. Applicant:
- Contact address (Postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email):.....
- Name; Signature; Title:

Note:

1. Three letter code of airport and local time.
2. UTC time.

²³ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

**VĂN BẢN XIN PHÉP BAY THỰC HIỆN CHUYẾN BAY
KHÔNG THƯỜNG LỆ**

Mẫu văn bản dùng cho các hãng hàng không Việt Nam

Ngày:.....
Số tham chiếu:.....
1. Người vận chuyên/Người khai thác:
- Tên:.....
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/thư điện tử/điện thoại/Fax):.....
.....
2. Tàu bay:
- Loại tàu bay:.....
- Quốc tịch, số đăng ký:.....
- Trọng tải cất cánh tối đa:.....
3. Hành trình:

Ngày tháng	Số hiệu chuyên bay	Sân bay đi/giờ dự kiến cất cánh ¹	Sân bay đến/giờ dự kiến hạ cánh ¹
.....

4. Đường hàng không bao gồm điểm bay vào, bay ra vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam và giờ dự kiến bay qua điểm bay vào, bay ra ²; độ cao/mực bay:.....
5. Phương tiện thông tin, dẫn đường và dải tần số liên lạc:.....
6. Người chỉ huy tàu bay:
- Tên:.....
- Quốc tịch:.....
7. Mục đích chuyến bay:.....
8. Số lượng ghế hoặc trọng tải cung ứng của tàu bay:.....
9. Số lượng hành khách hoặc trọng lượng và chủng loại hàng hóa chuyên chở:.....
.....
10. Sơ đồ bay trong vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam (đối với các chuyến bay hoạt động ngoài khu vực kiểm soát của HKDD), gửi kèm theo.
11. Người xin phép bay:
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện và SITA/AFTN/thư điện tử/số điện thoại, Fax):.....
.....
- Tên, chức vụ, chữ ký:.....
Ghi chú:
1. Mã hiệu 3 chữ của sân bay, giờ địa phương.
2. Giờ UTC.

*Mẫu văn bản dùng cho các hãng hàng không nước ngoài***Application for Summer/Winter.... Schedules**

Date:.....

Reference No.:.....

1. Carrier/Operator:

- Name:.....

- Contact address (postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email address):.....

2. Schedules:

Flight Number	Effective from	Effective to	Day(s) of services	Departure Airport ¹	ETD ²	Arrival Airport ¹	ETA ²	Aircraft type	Configuration/ Payload of aircraft

3. Air traffic service routes:

Flight number	Aircraft Type	ATS Routes ³	Entry Point/ Estimated time over (ETO) ⁴	Exit point/ Estimated time over (ETO) ⁴	Flight Level	Flight Rule ⁵

4. Aircraft⁶; communication, navigation equipments; frequencies of radio communication:

Aircraft Type	Registration marks	Maximum Take-Off Weight	Communication navigation equipments	Frequencies of radio communication

5. Applicant:

- Contact address (postal and SITA/AFTN/TEL/FAX/Email address):.....
- Name; signature; title:.....

Note:

1. Three letter code.
2. Local time.
3. Within Flight Information Regions of Viet Nam.
4. UTC time.
5. IFR or VFR.
6. Only aircraft operated in schedules to/from and within Viet Nam.

PHỤ LỤC X²⁴

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

VĂN BẢN XIN PHÉP THỰC HIỆN CHUYẾN BAY QUÁ CẢNH

Ngày:.....

Số tham chiếu:.....

1. Người khai thác:

- Tên:.....

- Địa chỉ liên lạc (Địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/ Điện thoại/Fax):

.....

2. Tàu bay:

- Loại tàu bay:.....

- Quốc tịch, số đăng ký:.....

- Trọng tải cất cánh tối đa:.....

- Tên gọi thoại (nếu không có số hiệu chuyến bay):.....

3. Hành trình:

* Đối với chuyến bay thường lệ:

Số hiệu chuyến bay	Hiệu lực từ ngày/tháng/năm	Hiệu lực đến ngày/tháng/năm	Ngày khai thác trong tuần	Sân bay đi/ giờ dự kiến cất cánh	Sân bay đến/giờ dự kiến hạ cánh
.....
.....

* Đối với chuyến bay không thường lệ:

²⁴ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

Ngày tháng	Số hiệu chuyến bay	Sân bay đi/giờ dự kiến cất cánh	Sân bay đến/giờ dự kiến hạ cánh
.....
.....

4. Đường hàng không:

- Tên đường hàng không, điểm bay vào/giờ bay qua; điểm bay ra/giờ bay qua:
- Độ cao/mức bay:

5. Kiểu loại phương tiện thông tin, dẫn đường, giám sát trên tàu bay:

6. Mục đích chuyến bay:..... (Số lượng hành khách/trọng lượng và chủng loại hàng hóa chuyên chở):.....

7. Sơ đồ bay trong vùng trời thuộc quyền quản lý điều hành của Việt Nam (chỉ yêu cầu đối với hoạt động bay ngoài đường hàng không).

8. Địa chỉ thanh toán: (nếu có khác biệt với địa chỉ của người khai thác)

- Tên:.....
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/Điện thoại/Fax):

9. Người xin phép bay: (nếu có khác biệt với địa chỉ của người khai thác)

- Tên:.....
- Địa chỉ liên lạc (địa chỉ bưu điện/AFTN/Thư điện tử/Điện thoại/Fax):

Ghi chú:

- Thời gian được tính là hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và là giờ quốc tế (UTC)
- Mã hiệu sân bay: Mã hiệu 4 chữ của Tổ chức Hàng không dân dụng Quốc tế (ICAO).

Người xin phép bay
(Tên, chức vụ, chữ ký)

PHỤ LỤC XI²⁵

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

Kính gửi: (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn).....

Căn cứ các quy định pháp luật liên quan đến việc (tóm tắt nội dung đề nghị)....., (tên cơ quan/đơn vị đề nghị)..... đề nghị (tên cơ quan/đơn vị nhận công văn)..... xem xét, giải quyết/thông báo một số nội dung sau:

- 1.
- 2.
3. (các nội dung đề nghị xem xét, giải quyết/thông báo)

.....

.....

* Địa chỉ, số điện thoại, fax của cơ quan/đơn vị; thư điện tử, người được giao nhiệm vụ để liên hệ làm việc với cơ quan/đơn vị nhận công văn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- ...
- ...
- Lưu...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Nếu công văn có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai.

²⁵ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 16/2011/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2009/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.